

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 03 - 6 - 2024

“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Trung Thành;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1995; Trú tại: **Tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang**. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư **Nguyễn Thành T** – là Luật sư của **Công ty L1** chi nhánh tại thành phố Cần Thơ thuộc **Đoàn luật sư thành phố H**. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Bé N**, sinh năm 2000; Trú tại: **Số E, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang**. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông **Lê Văn L** trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà **Bùi Thị Bé N** tìm hiểu, tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **C**, tỉnh **An Giang** vào năm 2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, bà **N** thường hay nhắn tin liên lạc với người yêu cũ, ông **L** đã bắt gặp và khuyên ngăn nhiều lần nhưng bà **N** vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, đã ly thân khoảng 03 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông **L** xin ly hôn với bà **N**.

- Về con chung: Ông **L**, bà **N** chung sống có 01 con chung tên **Lê Minh Đ**, sinh ngày 16/3/2022 hiện đang ở với bà **N**. Ly hôn ông **L** yêu cầu được nuôi con chung, do ông có đủ điều kiện nuôi con như có nhà ở ổn định, có thu nhập ổn định từ việc làm ruộng (04 công) và xạ phân thuê thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, ông **L** không yêu cầu bà **N** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bản tường trình mức thu nhập đề ngày 16/4/2024 có xác nhận của các hộ nông dân mà ông **L** đang xạ phân, thuốc thuê; phô tô hình ảnh, tin nhắn giữa bà **N** với người yêu cũ; Bản trích lược nội dung tin nhắn **M**, Facebook đề ngày 09/5/2024.

Bị đơn bà **Bùi Thị Bé N** trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 08/4/2024: Bà thống nhất như ông **L** trình bày về thời gian chung sống, kết hôn. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng do ông **L** không lo làm ăn, thường hay đi nhậu về chửi mắng, đánh đập bà, đuổi bà đi nên bà đã bỏ nhà đi đến nay khoảng 03 tháng. Bà và ông **L** không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông **L** chung sống có 01 con chung tên **Lê Minh Đ**, sinh ngày 16/3/2022 hiện đang ở với bà **N**, ly hôn bà **N** yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con bà **N** có việc làm ổn định tại Vũng Tàu, thu nhập mỗi ngày từ 300.000đ – 400.000đ đủ để nuôi dưỡng con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Ông **L** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà **N**. Giữ nguyên yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà **N** đồng ý ly hôn. Con chung **Lê Minh Đ**, sinh ngày 16/3/2022 đang ở với bà **N**, ly hôn bà **N** tự nguyện giao cháu **Đ** cho ông **L** được trực tiếp nuôi dưỡng, bà **N** không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, đồng thời cả hai đều thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung của ông L và bà N có 01 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 16/3/2022, khi còn chung sống cháu Đ do ông bà nội chăm sóc, khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà N mang cháu Đ đi đến nay. Cuộc sống của bà N hiện đang làm thuê, ở nhà thuê, nơi ở cũng phức tạp, sống trong nhà kho chứa vật liệu xây dựng ngăn ra làm nơi ở sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ nhỏ về lâu dài nên không đảm bảo nơi ở ổn định để nuôi con, thu nhập không ổn định, trong khi ông L có nhà ở ổn định, có thu nhập ổn định, có ruộng đất riêng canh tác, có ông bà và cha trong coi cháu, có thời gian gần gũi chăm sóc, nuôi dạy con. Tại phiên tòa bà N đã tự nguyện giao cháu Đ cho ông L được trực tiếp nuôi nên đề nghị HĐXX xem xét công nhận sự nguyện của bà N giao con chung cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của ông L và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông L yêu cầu ly hôn với bà N là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông L và bà N có 01 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 16/3/2022 hiện đang ở với bà N. Tại phiên tòa, bà N tự nguyện giao con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 16/3/2022 cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà N không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Bé N thường trú tại xã B, huyện C. Ông L khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông **L** và bà **N** tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **C**, tỉnh **An Giang** nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông **L** cho rằng bà **N** có tình cảm với người khác, ông **L** đã phát hiện bà **N** nhắn tin cho người khác nên ông **L** mới đánh và đuổi bà đi, bà **N** đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng ông **L** và bà **N** vẫn kiên quyết ly hôn. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa ông **L** và bà **N** đã không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, đã sống ly thân khoảng 04 tháng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **L**.

Về con chung: Ông **L** và bà **N** chung sống có 01 con chung tên **Lê Minh Đ**, sinh ngày 16/3/2022 hiện đang ở với bà **N**. Ông **L** có yêu cầu được nuôi con chung vì cho rằng bà **N** không có đủ điều kiện về nơi ở, thu nhập để nuôi con, ông có việc làm có thu nhập cao, có nhà ở ổn định và có điều kiện gần gũi chăm sóc, nuôi dạy con chung. Bà **N** cũng có yêu cầu tiếp tục nuôi con, vì con chung mới hơn 26 tháng tuổi, bà **N** đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi ly thân đến nay, bà **N** hiện là công nhân ở Vũng Tàu có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ/tháng, tuy ở nhà thuê nhưng khi bà đi làm có mẹ ruột của bà chăm sóc cháu, bà vẫn gần gũi và có điều kiện chăm sóc nuôi dạy con. Xét, ông **L**, bà **N** có tranh chấp về nuôi con chung, tính đến ngày xét xử, cháu **Đ** được khoảng 26 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Tại phiên tòa, bà **N** cho rằng bà đang làm thuê, nơi ở không đảm bảo cho cuộc sống của con chung nên bà **N** đã tự nguyện giao con chung tên **Lê Minh Đ**, sinh ngày 16/3/2022 cho ông **L** được trực tiếp nuôi. Xét, đây là sự tự nguyện giao con chung của bà **N** cho ông **L** được trực tiếp nuôi con chung, sự tự nguyện này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông **L** không yêu cầu bà **N** cấp dưỡng nuôi con chung nên bà **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông **L**, bà **N** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông **L** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn L**.

- Về hôn nhân: Ông **Lê Văn L** được ly hôn với bà **Bùi Thị Bé N**.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của bà **Bùi Thị Bé N** về việc giao con chung tên **Lê Minh Đ**, sinh ngày 16/3/2022 cho ông **Lê Văn L** được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **Bùi Thị Bé N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **L** cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở bà **N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **L** và bà **N** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

Ông **Lê Văn L** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005388 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Chánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Mỹ**